Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-04 17:03:32 +07:00

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2026/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

THÔNG TƯ
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 35/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng; việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, của tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng; việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. *Bên cho vay đặc biệt* là Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. *Bên vay đặc biệt* là tổ chức tín dụng vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác; tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

"14. *Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước* là Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng trong trường hợp việc cho vay đặc biệt thuộc thẩm quyền quyết định của Ngân hàng Nhà nước hoặc Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực hiện cho vay đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp khoản cho vay đặc biệt đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 193 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 hoặc Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.".

4. Bổ sung cụm từ "tổ chức bảo hiểm tiền gửi," vào trước cụm từ "tổ chức tín dụng khác" tại khoản 15.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4

1. Bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

"đ) Cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 111/2025/QH15).".

2. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

"1a. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

"3a. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư này, việc cho vay đặc biệt thực hiện theo quy định tại Chương IIIa Thông tư này.".

2. Bổ sung cụm từ "khoản 1a," vào trước cụm từ "khoản 2" tại khoản 4.

3. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

"4a. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân khác.".

4. Bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại khoản 1a Điều 4 Thông tư này, sau khi phương án phá sản bên vay đặc biệt được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật số 111/2025/QH15.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6

"1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng, tổ chức bảo hiểm tiền gửi thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư này, trừ tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân.".

Điều 7. Bổ sung Chương IIIa vào sau Chương III

"**Chương IIIa**
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 29a. Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt, số tiền, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi chỉ được sử dụng tiền vay đặc biệt để chi trả tiền bảo hiểm.

2. Số tiền cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và không vượt quá số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15.

3. Thời hạn cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt theo đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với dự kiến của tổ chức bảo hiểm tiền gửi về các nguồn trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15.

4. Lãi suất cho vay đặc biệt:

a) Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt, bao gồm nợ gốc trong hạn, nợ gốc được gia hạn thời hạn và nợ gốc quá hạn là 0%/năm;

b) Không áp dụng lãi suất đối với nợ lãi chậm trả.

Điều 29b. Trình tự cho vay đặc biệt

1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ).

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Giấy đề nghị vay đặc biệt, trong đó nêu rõ: số tiền, thời hạn đề nghị vay đặc biệt, mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt; lý do đề nghị vay đặc biệt; số tài khoản bằng đồng Việt Nam mở tại Sở Giao dịch - Ngân hàng Nhà nước; cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt;

b) Báo cáo cụ thể các nội dung: tổ chức bảo hiểm tiền gửi thuộc trường hợp được vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15; giải trình cụ thể về số tiền đề nghị vay đặc biệt không vượt quá số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để trả tiền bảo hiểm, thời hạn vay đặc biệt; lộ trình trả nợ vay đặc biệt và nguồn dự kiến trả nợ vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước (trong đó nêu rõ các nguồn tiền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị tổ chức bảo hiểm tiền gửi thông qua việc đề nghị vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 29c. Gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt

1. Khi có nhu cầu gia hạn thời hạn vay đặc biệt, trong thời hạn tối thiểu 40 ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ, tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đến Ngân hàng Nhà nước.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Giấy đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt, trong đó nêu rõ: tên tổ chức bảo hiểm tiền gửi; lý do, số tiền, thời hạn đề nghị gia hạn; cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về việc cho vay đặc biệt;

b) Báo cáo cụ thể các nội dung: Giải trình cụ thể về số tiền, thời hạn đề nghị gia hạn; lý do tổ chức bảo hiểm tiền gửi chưa trả được nợ vay đặc biệt (trong đó nêu rõ các biện pháp đã thực hiện để trả nợ vay đặc biệt; tình hình thực hiện lộ trình trả nợ vay đặc biệt, nguồn trả nợ vay đặc biệt đã báo cáo Ngân hàng Nhà nước tại Hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt); các biện pháp dự kiến thực hiện để trả nợ vay đặc biệt, lộ trình trả nợ vay đặc biệt và nguồn dự kiến trả nợ vay đặc biệt (trong đó nêu rõ các nguồn tiền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15);

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị tổ chức bảo hiểm tiền gửi thông qua đề nghị gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt.

2. Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 29d. Ký hợp đồng cho vay đặc biệt, giải ngân khoản vay đặc biệt

1. Trên cơ sở Quyết định cho vay đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 29b Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) và tổ chức bảo hiểm tiền gửi ký hợp đồng cho vay đặc biệt với các nội dung cơ bản theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giải ngân cho vay đặc biệt:

a) Khi có nhu cầu được giải ngân vốn vay đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch); trong đó nêu rõ số tiền, thời điểm, lý do đề nghị giải ngân;

b) Trên cơ sở hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) phê duyệt, giải ngân vốn vay đặc biệt theo số tiền tại văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 29đ. Trả nợ vay đặc biệt

1. Khi khoản vay đặc biệt đến hạn, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả hết nợ cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể trả nợ vay đặc biệt trước hạn; tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải trả phí trả nợ trước hạn.

3. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi có tiền thu được từ các nguồn quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo (tháng T+1), tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải sử dụng số tiền thu được trong tháng trước liền kề (tháng T) để trả nợ vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật số 111/2025/QH15 (nếu có phát sinh) và số tiền thu phí bảo hiểm được sử dụng để bù đắp các khoản chi theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Luật số 111/2025/QH15.

4. Trường hợp bị phát hiện không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo vi phạm theo điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 36b Thông tư này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả nợ số tiền vay đặc biệt phải trả theo quy định nhưng chưa được trả đúng hạn.

5. Trường hợp qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng số tiền vay đặc biệt không đúng mục đích, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo vi phạm theo điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 36b Thông tư này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả nợ số tiền vay đặc biệt bị phát hiện sử dụng không đúng mục đích.

6. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp xử lý sau:

a) Chuyển dư nợ khoản vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác;

b) Trích tiền từ tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi nợ vay đặc biệt quá hạn trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc trích tiền từ tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thu nợ; trường hợp chưa thu hồi đủ số tiền vay đặc biệt phải trả, Ngân

hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, trích tiền từ tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho đến khi thu hồi hết nợ.

7. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không trả nợ theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích tiền từ tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi nợ vay đặc biệt vào ngày làm việc tiếp theo ngày hết thời hạn trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này; trường hợp chưa thu hồi đủ số tiền vay đặc biệt phải trả, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, trích tiền từ tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho đến khi thu hồi hết nợ.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung tên Chương IV

"**Chương IV**

VIỆC CHO VAY ĐẶC BIỆT CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC"

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.".

2. Bổ sung cụm từ "tổ chức bảo hiểm tiền gửi," vào trước cụm từ "tổ chức tín dụng khác" tại khoản 2.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định đối với đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định nội bộ về cho vay đặc biệt của mình.".

4. Sửa đổi, bổ sung câu mũ khoản 4 như sau:

"4. Khi có nhu cầu gia hạn thời hạn của khoản vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này:".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 31

"**Điều 31. Trình tự cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt**

1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt, gia hạn thời hạn vay đặc biệt quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15, điểm b khoản 2, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt theo quy định nội bộ về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và phù hợp với phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt.".

Điều 11. Bổ sung tên Mục 1 vào sau tên Chương V

"**Mục 1**
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG TRƯỜNG HỢP CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG"

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 32

"b) Bên cho vay đặc biệt (đối với trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt).".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 34

1. Sửa đổi tên Điều 34 như sau:

"**Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt**".

2. Bổ sung cụm từ "khoản 1a," vào trước cụm từ "khoản 2" tại khoản 3.

Điều 14. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 35

"6a. Cung cấp thông tin cho bên cho vay đặc biệt là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác về các vấn đề phát sinh liên quan đến khoản cho vay đặc biệt của bên cho vay đặc biệt đó và kiến nghị biện pháp xử lý (nếu có).".

Điều 15. Bổ sung Mục 2 vào sau Điều 36

"**Mục 2**
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG TRƯỜNG HỢP CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 36a. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các văn bản, tài liệu về việc vay đặc biệt, gia hạn thời hạn vay đặc biệt; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp về nội dung, số liệu của các văn bản đã cung cấp; tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định của pháp luật đối với việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền.

2. Sử dụng tiền vay đặc biệt đúng mục đích, trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký và quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện ký hợp đồng cho vay đặc biệt, nhận giải ngân tiền vay đặc biệt và trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật có liên quan, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký.

Điều 36b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ:

Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

c) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác giám sát phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng tiền vay đặc biệt không đúng mục đích hoặc không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 29đ Thông tư này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Sở Giao dịch, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này.

3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

c) Trường hợp qua công tác thanh tra phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng tiền vay đặc biệt không đúng mục đích hoặc không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 29đ Thông tư này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Sở Giao dịch, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này.

4. Sở Giao dịch:

a) Thực hiện ký hợp đồng cho vay đặc biệt theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, giải ngân, thu nợ cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, Quyết định cho vay đặc biệt, Quyết định gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 29đ Thông tư này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có dư nợ cho vay đặc biệt hoặc có thay đổi về khoản cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Vụ Chính sách tiền tệ số liệu cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Vụ Tài chính – Kế toán:

Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

6. Các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước:

Phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến việc cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại Thông tư này theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc theo đề nghị của đơn vị đầu mối đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ.".

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung tên, nội dung phần căn cứ, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 35/2025/TT-NHNN

1. Bỏ cụm từ "đối với tổ chức tín dụng" tại tên gọi của Thông tư.

2. Bổ sung cụm từ "Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15;" vào sau cụm từ "Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;".

3. Bổ sung cụm từ "tổ chức bảo hiểm tiền gửi," vào trước cụm từ "tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt" tại điểm 1, điểm 2 Phần Hướng dẫn lập mẫu biểu Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 35/2025/TT-NHNN.

4. Bổ sung Phụ lục VII, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ban kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 18;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, CSTT.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY ĐẶC BIỆT

Số: .....

Căn cứ Thông tư số 35/2025/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2026/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2026 (sau đây gọi là Thông tư số 35/2025/TT-NHNN);

Căn cứ Quyết định số … của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không tài sản bảo đảm đối với ...;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại …, chúng tôi gồm:

Bên cho vay đặc biệt (Bên A): Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở giao dịch)

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …….. Fax: .....

Số hiệu tài khoản tiền vay bằng đồng Việt Nam:..…… tại ……

Tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Theo giấy ủy quyền số …… của .... (nếu có)

Bên vay đặc biệt (Bên B): Tên tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ... .

Số hiệu tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam: ……..mở tại…

Tên người đại diện: ... . Chức vụ: .....

Theo giấy ủy quyền số …… của .... (nếu có)

Hai bên thống nhất việc Bên A cho vay đặc biệt đối với Bên B theo các nội dung sau:

Điều 1. Số tiền cho vay đặc biệt

- Bằng số: .....

- Bằng chữ: .....

Điều 2. Lãi suất cho vay đặc biệt

- Lãi suất cho vay đặc biệt: 0%/năm.

- Không áp dụng lãi suất quá hạn, lãi suất đối với nợ lãi chậm trả của khoản cho vay đặc biệt.

Điều 3. Thời hạn cho vay đặc biệt

- Thời hạn cho vay đặc biệt: …

- Thời hạn cho vay tính cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết thì thời hạn cho vay đặc biệt được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

Điều 4. Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt

...

Điều 5. Việc trả nợ khoản vay đặc biệt

...

Điều 6. Các cam kết, thỏa thuận

- Bên B tuân thủ và chịu trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 35/2025/TT-NHNN.

- Trong trường hợp Bên B không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 29đ Thông tư số 35/2025/TT-NHNN, Bên A sẽ thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 29đ Thông tư số 35/2025/TT-NHNN.

- Các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có): …

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành … bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ.... bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A	**BÊN B**
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú: Phụ lục VII hướng dẫn các nội dung cơ bản tại Hợp đồng cho vay đặc biệt. Sở giao dịch và tổ chức bảo hiểm tiền gửi xem xét, bổ sung nội dung khác (nếu có) phù hợp với yêu cầu thực tế, quy định pháp luật.

Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng)

Tên đơn vị báo cáo …
Số văn bản: …

BÁO CÁO
SỐ LIỆU CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Tháng … năm …

Đơn vị: đồng

STT	Số hiệu văn bản cho vay đặc biệt	Số tiền được chấp thuận cho vay đặc biệt	Giải ngân		Chuyển nợ quá hạn		Thu nợ		Số dư cuối tháng báo cáo	
			Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Trong hạn	Quá hạn
Tổng số										

…, ngày … tháng … năm …

Lập biểu	Kiểm soát	Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Sở Giao dịch

2. Đơn vị nhận báo cáo: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Vụ Chính sách tiền tệ.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.